

Số: /GP-STNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Xét Hồ sơ của Công ty TNHH chăn nuôi Đại Dương đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, dự án trang trại chăn nuôi Đại Dương, thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, nộp trực tuyến ngày 01 tháng 3 năm 2024, hồ sơ chỉnh sửa bổ sung nộp ngày 04 tháng 6 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tài nguyên nước và Khoáng sản tại Báo cáo thăm định số 06/BC-NKS ngày 28/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH chăn nuôi Đại Dương (Địa chỉ: thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn) thăm dò nước dưới đất theo Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất, dự án trang trại chăn nuôi Đại Dương, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích thăm dò: Phục vụ xây dựng trạm cấp nước cho các hoạt động của dự án trang trại chăn nuôi Đại Dương, thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy mô thăm dò: Tổng số 02 giếng với tổng lưu lượng thăm dò 181 m³/ngày; dự kiến lưu lượng mỗi giếng 90,5 m³/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò nước dưới đất: thôn Nà Tông, xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích khu vực thăm dò: 197.720

m², được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc tại Phụ lục số 01 kèm theo (Có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo).

4. Tầng chứa nước thăm dò: tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích lục nguyên hệ tầng Nà Khuất (t₂²).

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu: Theo Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò tại Phụ lục 02 kèm theo.

6. Thời hạn của Giấy phép 06 tháng (từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024).

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH chăn nuôi Đại Dương:

1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò; các nội dung trong thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất.
4. Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình thăm dò theo quy định tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn trong quá trình thăm dò.

Điều 3. Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của Trung ương và địa phương.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH chăn nuôi Đại Dương còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý tài nguyên nước - BTNMT;
- UBND tỉnh (để B/c);
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Văn Lãng;
- UBND xã Trùng Khánh;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty TNHH chăn nuôi Đại Dương;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng đăng ký đất đai (đăng Website và cập nhật dữ liệu số);
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, NKS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục

Phụ lục 1
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Kèm theo Giấy phép số /GP-STNMT ngày /6/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục 107 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục 107 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	2449 888	440 751	26	2449 319	441 122
2	2449 949	440 795	27	2449 349	441 057
3	2449 910	440 856	28	2449 454	441 097
4	2449 867	440 881	29	2449 468	441 084
5	2449 864	440 927	30	2449 483	441 084
6	2449 873	440 972	31	2449 507	441 075
7	2449 855	441 027	32	2449 546	441 090
8	2449 853	441 105	33	2449 569	441 098
9	2449 889	441 131	34	2449 636	441 089
10	2449 939	441 412	35	2449 654	441 079
11	2449 937	441 436	36	2449 700	441 072.
12	2449 951	441 428	37	2449 756	441 063
13	2449 920	441 440	38	2449 771	441 043
14	2449 835	441 434	39	2449 763	440 996
15	2449 791	441 410	40	2449 787	440 961
16	2449 708	441 388	41	2449 787	440 930
17	2449 629	441 368	42	2449 800	440 907
18	2449 577	441 352	43	2449 792	440 887
19	2449 547	441 347	44	2449 793	440 860
20	2449 512	441 367	45	2449 791	440 828
21	2449 471	441 367	46	2449 804	440 811
22	2449 424	441 337	47	2449 830	440 799
23	2449 390	441 299	48	2449 844	440 783
24	2449 329	441 230	49	2449 874	440 766
25	2449 313	441 176			
Diện tích: 197.720 m²					

Phụ lục 2
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC THĂM DÒ
(Kèm theo Giấy phép số /GP-STNMT ngày /6/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Lập Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất, công suất 181m³/ngày đêm.	Bộ	1
II	Công tác thi công hiện trường		
1	Điều tra, khảo sát	km ²	3
2	Công tác khảo sát địa vật lý tìm kiếm những điểm có dị thường tốt nhất để đặt các lỗ khoan thăm dò kết hợp khai thác		
-	Đo mặt cắt điện	điểm đo	100
-	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện 4 cực đối xứng	điểm đo	40
3	Khoan thăm dò lấy mẫu, xác định chính xác địa tầng phục vụ thiết kế kết cấu giếng khai thác, (dự kiến 02 lỗ khoan x 100m/1lk)		
-	Khoan lấy mẫu, sau đó khoan xoay phá mẫu phân đất phủ phía trên lớp đá gốc, đường kính khoan D300mm, chiều sâu khoan dự kiến 15,0m/1 lỗ khoan. (15,0m x 02 LK)	m	30
-	Khoan xoay lấy mẫu trong phần đá gốc để xác định đới dập vỡ chứa nước, đường kính khoan D90mm, chiều sâu khoan dự kiến 95,0m/1LK (95,0m X 02LK)	m	190
4	Khoan mở rộng đường kính D219mm và kết cấu giếng khai thác		
	Khoan mở rộng đường kính phục vụ kết cấu 02 giếng, sâu mỗi giếng dự kiến 110,0m)		
-	Khoan mở rộng đường kính trong phần đá gốc, đường kính khoan D219mm, chiều sâu khoan dự kiến 95,0m.	m	190
	Kết cấu các giếng khai thác (02 giếng, sâu 110.0m)		
-	Kết cấu ống vách bảo vệ giếng trong tầng đất phủ, Ống nhựa PVC Tiên Phong, Class4, Đường kính D250mm, chiều sâu dự kiến từ + 1,0m đến -15,0m (15,0m x 02LK)	m	30
-	Kết cấu ống vách giếng khai thác bằng ống nhựa PVC Tiên Phong, Class 5, đường kính ống D140mm, chiều sâu dự kiến từ +1,0m đến - 40,0m. (41,0m x 02 LK)	m	82
-	Kết cấu ống lọc giếng khai thác bằng ống nhựa PVC Tiên Phong, Class 5, đường kính ống D140mm, chiều sâu dự kiến từ - 40,0m đến - 105,0m. (65,0m x 02 LK)	m	130

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
-	Kết cấu ống lắng giếng khai thác bằng ống nhựa PVC Tiên Phong, Class 5, đường kính ống D140mm, chiều sâu dự kiến từ - 105,0m đến - 110,0m. (5,0m x 02 LK)	m	10
-	Chèn sỏi	m ³	4,5
-	Bơm thổi rửa ống lọc D140mm	Ca	12
5	Công tác hút nước thí nghiệm đánh giá trữ lượng và lấy mẫu nước phân tích mẫu nước		
-	Hút nước thí nghiệm	Ca	18
-	Phân tích mẫu nước 32 chỉ tiêu theo Quy chuẩn 09:2023/BTNMT	Mẫu	2
6	Công tác quan trắc động thái nước dưới đất	Lần đo	90
7	Công tác trắc địa		
-	Đo x,y,z	Điểm	2
III	Lập Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác	Báo cáo	1